

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 9
Ngày: 22/8/19

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 81/TTr-STC ngày 16 tháng 7 năm 2019, Văn bản số 1410/STC-QLG&CS ngày 20 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Giá 1m² sàn xây dựng mới để tính lệ phí trước bạ đối với nhà:

STT	Loại công trình	Giá 1m ² sàn xây dựng (1.000 đồng/m ²)
I	Nhà chung cư	
1	Số tầng ≤ 5	6.370
2	5 < số tầng ≤ 7	8.240
3	7 < số tầng ≤ 10	8.490
4	10 < số tầng ≤ 15	8.880

STT	Loại công trình	Giá 1m ² sàn xây dựng (1.000 đồng/m ²)
5	15 < số tầng ≤ 18	9.520
6	18 < số tầng ≤ 20	9.920
7	20 < số tầng ≤ 25	11.050
8	25 < số tầng ≤ 30	11.600
II	Nhà ở riêng lẻ	
1	Nhà 1 tầng, tường bao xây gạch, mái tôn, mái ngói	1.730
2	Nhà 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ	4.540
3	Nhà 2 tầng trở lên, kết cấu khung chịu lực BTCT; tường bao xây gạch, sàn, mái BTCT đổ tại chỗ	6.970
4	Nhà kiểu biệt thự từ 2 tầng trở lên, kết cấu chung chịu lực BTCT; tường bao xây gạch, sàn, mái BTCT đổ tại chỗ	8.760
III	Nhà xưởng, nhà kho	3.500
IV	Nhà làm việc và nhà sử dụng vào mục đích khác	
1	Nhà 1 tầng	1.730
2	Nhà 2 tầng trở lên, kết cấu tường gạch chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ	4.540

* Giá nhà xây thô (chưa hoàn thiện) được tính bằng 0,65 lần giá nhà hoàn thiện.

2. Đối với nhà đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng được xác định như sau:

- Tài sản mới: Bằng 100% giá xây dựng mới.
- Thời gian đã sử dụng trong 1 năm: Bằng 90% giá xây dựng mới.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 1 năm đến 3 năm: Bằng 70% giá xây dựng mới.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 3 năm đến 6 năm: Bằng 50% giá xây dựng mới.
- Thời gian đã sử dụng từ trên 6 năm đến 10 năm: Bằng 30% giá xây dựng mới.
- Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: Bằng 20% giá xây dựng mới.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2012 về việc quy định giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất, xe ô tô, xe máy và tàu thuyền vận tải

đường thủy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 về việc quy định giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất, xe ô tô, xe máy và tàu thuyền vận tải đường thủy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh hướng dẫn, đôn đốc và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng quy định.

2. Trên cơ sở chỉ số giá xây dựng do Sở Xây dựng ban hành, khi giá nhà trên thị trường biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thống nhất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, TH2 (H.110b) *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang